

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:03/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10/04/2018

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Bình.

2. Ông Nguyễn Minh Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Ông Phan Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Hưng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Võ Ngọc S, sinh năm: 1980 (có mặt).

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2017 và tại phiên toà nguyên đơn anh Võ Ngọc S trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Có tự nguyện kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 2005, đến ngày 17/02/2006 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong đời sống hàng ngày, hiện nay anh S và chị T đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T.

2. *Về con chung:*

Anh S khai, trong quá trình chung sống với chị T, vợ chồng có hai con chung Võ Nguyễn Huy P, sinh ngày 28/11/2006 và Võ Nguyễn Bá L, sinh ngày

06/12/2010. Trong thời gian sống ly thân chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Nay anh S đồng ý để chị T được tiếp tục được nuôi dưỡng con, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ 02 cháu/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2018, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/01/2018 và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Thừa nhận có kết hôn với anh S, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống có hai con chung Võ Nguyễn Huy P, sinh ngày 28/11/2006 và Võ Nguyễn Bá L, sinh ngày 06/12/2010. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, do anh S đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh nên tình cảm vợ chồng mới lạnh nhạt. Nay chị T muốn đoàn tụ gia đình, nếu anh S cương quyết ly hôn thì chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con là 4.000.000 đồng/02 cháu/01 tháng. Về tài sản không yêu cầu giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng các bên không thống nhất được việc đoàn tụ gia đình. Anh S yêu cầu được ly hôn, chị T không đồng ý ly hôn, các bên không thỏa thuận được việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Ngọc S khởi kiện chị Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh S với chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nay giữa các bên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được, anh S và chị T đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh S và chị T không thể kéo dài. Vì vậy, anh S khởi kiện ly hôn là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về con chung, anh S đồng ý để chị T tiếp tục nuôi 02 con chung là P và L, phù hợp với yêu cầu của chị T và theo nguyện vọng của 02 cháu P, L. Đây là sự thỏa thuận việc nuôi con phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, giữa anh S và chị T đã thỏa thuận được việc cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/ 02 cháu/ 01 tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, việc thỏa thuận phù hợp với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản anh S, chị T không yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa anh S với chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Hiện nay mỗi người sống mỗi nơi nên tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh S với chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh S yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp thuận.

[2] *Về con chung*: Anh S đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi con Võ Nguyễn Huy P, sinh ngày 28/11/2006 và Võ Nguyễn Bá L, sinh ngày 06/12/2010, phù hợp với yêu cầu của chị T. Mặt khác, hai cháu P, L cũng có nguyện vọng sống với chị T. Việc thỏa thuận của anh S, chị T phù hợp khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, anh S và chị T thỏa thuận anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con là 3.000.000 đồng/ 02 cháu/ 01 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Việc thỏa thuận phù hợp Điều 82, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản*: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Anh Võ Ngọc S được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Võ Nguyễn Huy P, sinh ngày 28/11/2006 và Võ Nguyễn Bá L, sinh ngày 06/12/2010.

Anh S không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản anh S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con Võ Nguyễn Huy P, sinh ngày 28/11/2006 và Võ Nguyễn Bá L, sinh ngày 06/12/2010, mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/ 02 cháu/ 01 tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 03 năm 2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

4. Về án phí:

Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004081 ngày 12 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng; anh S còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Văn Hựu